

Số: ~~350~~ /BC-UBND

Duyên Hải, ngày 11 tháng 7 năm 2022

## BÁO CÁO

### Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách thị xã Duyên Hải năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

#### **I/. Thu ngân sách:**

**\* Tổng thu NSNN 6 tháng đầu năm 2022: 250.785** triệu đồng, trong đó:

**1/. Thu nội địa: 60.844** triệu đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: **50** triệu đồng, đạt 42,89% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện **34.106** triệu đồng, đạt 82,18% so với dự toán năm 2022, đạt 111,41% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện **8.147** triệu đồng, đạt 81,47% so với dự toán năm 2022, đạt 135,19% so với cùng kỳ năm trước;

- Lệ phí trước bạ: thực hiện **7.644** triệu đồng, đạt 81,67% so với dự toán năm 2022, đạt 96,91% so với cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: thực hiện **2.918** triệu đồng, đạt 93,37% so với dự toán năm 2022, đạt 296,31% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện **05** triệu đồng, đạt 1,25% so với dự toán năm 2022, đạt 72,60% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: thực hiện **20** triệu đồng đạt 12,79% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện **6.815** triệu đồng, đạt 61,95% so với dự toán năm 2022, đạt 113,33% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: thực hiện **555** triệu đồng, đạt 111,03% so với dự toán năm 2022;

- Thu khác ngân sách: thực hiện **584** triệu đồng, đạt 22,45% so với dự toán năm 2022, đạt 48,98% so với cùng kỳ năm trước;

**2/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 132.133** triệu đồng.

**3/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 57.808** triệu đồng.

## **II. Chi ngân sách:**

**Tổng chi ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2022: 137.668** triệu đồng, trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển:** thực hiện **31.524** triệu đồng, đạt 64,47% so với dự toán năm 2022, đạt 67,97% so với cùng kỳ năm trước;

**2. Chi thường xuyên:** thực hiện **85.273** triệu đồng, đạt 40,91% so với dự toán năm 2022, đạt 93,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện **40.401** triệu đồng, đạt 42,02% so với dự toán năm 2022, đạt 103,65% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện **1.505** triệu đồng, đạt 77,34% so với dự toán năm 2022, đạt 85,17% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thể dục thể thao: thực hiện **381** triệu đồng, đạt 98,70% so với dự toán năm 2022; đạt 346,36% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi bảo vệ môi trường: thực hiện **182** triệu đồng, đạt 3,4% so với dự toán năm 2022, đạt 30,28% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: thực hiện **5.641** triệu đồng, đạt 18,04% so với dự toán năm 2022, đạt 83,87% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi khoa học công nghệ: thực hiện 438 triệu đồng, đạt 43,80% so với dự toán năm 2022;

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: thực hiện 29.364 triệu đồng, đạt 51,33% so với dự toán năm 2022, đạt 89,18% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 7.361 triệu đồng, đạt 50,37% so với dự toán năm 2022, đạt 141,26% so với cùng kỳ năm trước;

**3. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội:** thực hiện 5.378 triệu đồng, đạt 54,73% so với dự toán năm 2022;

**4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật:** thực hiện 1.771 triệu đồng, đạt 18,82% so với dự toán năm 2022;

**5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới:** thực hiện 13.722 triệu đồng.

### III. Đánh giá chung:

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng thu ngân sách thị xã đạt 81,95%, tổng chi đạt 44,99% so với dự toán năm 2022. UBND thị xã Duyên Hải chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của các ngành, các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao, kịp thời bổ sung các khoản chi cần thiết không có trong dự toán để đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành tốt hoạt động của đơn vị mình.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2022 (chi tiết theo Biểu số 93,94,95/CK-NSNN kèm theo)./.

#### Nơi nhận:

- TT HĐND&UBND;
- Chủ tịch;
- Các Phó Chủ tịch;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lánh

Handwritten text in the top right corner, possibly a date or reference number.



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 11/07/2022 của UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	$3=2/1*100$	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>306.004</b>	<b>250.785</b>	<b>81,95</b>	<b>96,06</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>81.000</b>	<b>60.844</b>	<b>75,12</b>	<b>85,03</b>
1	Thu nội địa	81.000	60.844	75,12	85,03
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>57.808</b>		<b>90,08</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>225.004</b>	<b>132.133</b>		<b>105,80</b>
<b>IV</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp NS cấp trên</b>				
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>306.004</b>	<b>137.668</b>	<b>44,99</b>	<b>92,27</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thị xã</b>	<b>306.004</b>	<b>137.668</b>	<b>44,99</b>	<b>92,27</b>
1	Chi đầu tư phát triển	48.900	31.524	64,47	67,97
2	Chi thường xuyên	208.429	92.422	44,34	101,23
3	Dự phòng ngân sách	5.662		-	
4	Chi nộp NS cấp trên	-			-
5	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	42.721	13.722	32,12	123,82
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	-			



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 11 / 07/2022 của UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>306.004</b>	<b>250.785</b>	<b>81,95</b>	<b>96,06</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>81.000</b>	<b>60.844</b>	<b>75,12</b>	<b>85,03</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		50		43,17
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	41.500	34.106	82,18	111,41
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	8.147	81,47	135,19
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9.360	7.644	81,67	96,91
7	Thu phí, lệ phí	3.500	2.918	83,37	296,31
8	Các khoản thu về nhà, đất	11.900	7.395	62,14	111,04
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	5	1,25	72,60
-	Thu tiền sử dụng đất	11.000	6.815	61,95	113,33
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		20		12,79
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	500	555	111,00	114,97
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	2.600	584	22,45	48,98
12	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.140		-	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>57.808</b>		<b>46,29</b>
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>225.004</b>	<b>132.133</b>	<b>58,72</b>	<b>1.192,32</b>
<b>V</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp lên</b>				
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>62.039</b>	<b>47.223</b>	<b>76,12</b>	
1	Từ các khoản thu phân chia	28.109	20.224	71,95	
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	33.930	26.999	79,57	





**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 11 / 7 /2022 của UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>306.004</b>	<b>137.668</b>	<b>44,99</b>	<b>92,27</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>306.004</b>	<b>137.668</b>	<b>44,99</b>	<b>92,27</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>48.900</b>	<b>31.524</b>	<b>64,47</b>	<b>67,97</b>
1	Chi đầu tư phát triển	48.900	31.524	64,47	67,97
2	Chi đầu tư phát triển khác		-		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>208.429</b>	<b>85.273</b>	<b>40,91</b>	<b>93,40</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	96.158	40.401	42,02	103,65
2	Chi khoa học và công nghệ	1.000	438	43,80	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	509		-	
4	Chi văn hóa thông tin	1.946	1.505	77,34	85,17
5	Chi phát thanh, truyền hình	-			
6	Chi thể dục thể thao	386	381	98,70	346,36
7	Chi bảo vệ môi trường	5.346	182	3,40	30,28
8	Chi hoạt động kinh tế	31.262	5.641	18,04	83,87
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	57.208	29.364	51,33	89,18
10	Chi bảo đảm xã hội	14.614	7.361	50,37	141,26
<b>III</b>	<b>Chi an ninh quốc phòng</b>	<b>9.827</b>	<b>5.378</b>	<b>54,73</b>	
1	Chi quốc phòng	6.408	4.196	65,48	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	3.419	1.182	34,57	
<b>IV</b>	<b>Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật</b>	<b>9.408</b>	<b>1.771</b>	<b>18,82</b>	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>5.662</b>		<b>-</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới</b>		<b>13.722</b>		<b>123,82</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>-</b>		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				

